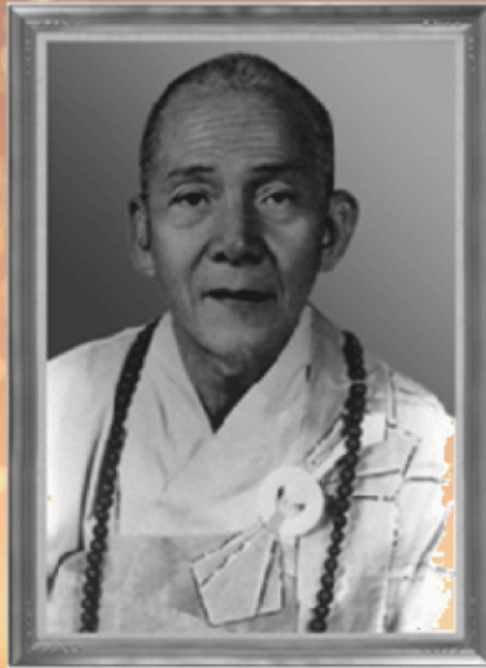
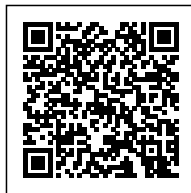


HÒA THƯỢNG THÍCH PHƯỚC QUANG (1908 - 1988)



Hòa thượng THÍCH PHƯỚC QUANG
1908 - 1988

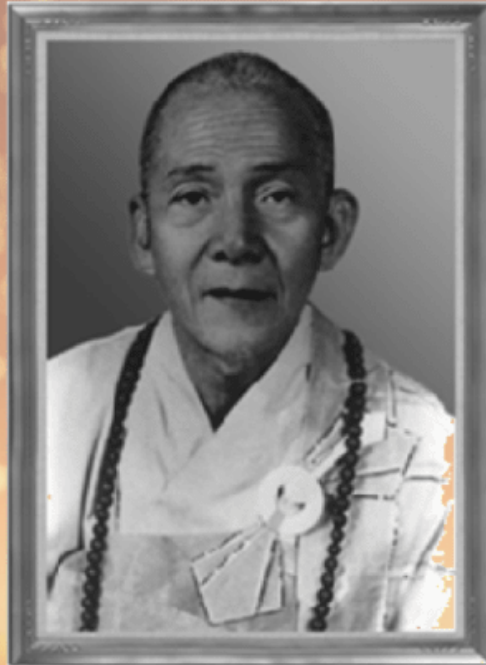
Hòa thượng Thích Phước Quang
(1908 - 1988)



HÒA THƯỢNG THÍCH PHƯỚC QUANG (1908 - 1988)

Hòa thượng Thích Phước Quang thế danh Tiêu Mao, sinh ngày 28-4 Mậu Thân (1908) tại làng Tân Hội, huyện Vạn Linh, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Xuất thân trong một gia đình nông dân, thân phụ là cụ Tiêu Minh, thân mẫu là cụ Ấu Quý. Ngài tham gia phong trào Tam Dân do Tôn Dật Tiên lãnh đạo. Năm 1927, bị Tưởng Giới Thạch khủng bố, cả gia đình chạy sang Việt Nam, vào Chợ Lớn, xuống Định Tường làm công

cho tiệm giải khát tại thành phố Mỹ Tho để kiếm sống.



Hòa thượng THÍCH PHƯỚC QUANG
1908 - 1988

Hòa thượng Thích Phước Quang (1908 - 1988)

Nhờ ảnh hưởng truyền thống cách mạng của gia đình nên khi sang Việt Nam, Ngài dễ dàng hội nhập vào xã hội của giai cấp lao động nghèo để giúp đỡ người cô thế, chống áp bức bất công nên được đồng bào người Hoa cũng như người Việt thương mến quý trọng.

Thuở thiếu thời Ngài là một võ sư nổi tiếng từ Sài Gòn đến Lục Tỉnh. Do đó các quan lại cầm quyền cùng hương chức hội tể chuyên áp bức nhân dân đều nể sợ Ngài, anh em tự nghĩa về dưới trướng rất đông. Ngài tập hợp được một nhóm anh em công nhân người Hoa quan hệ với thợ thuyền hãng xưởng ở Mỹ Tho hòa nhập vào cao trào Cách Mạng tại địa phương.

Năm 1936-1939, Ngài hướng dẫn công nhân lao động thành phố Mỹ Tho tham gia phong trào Mặt trận bình dân Nam Kỳ, dự mít-tinh, đấu tranh đình công bãi thị đòi dân sinh, dân chủ. Sau đó Ngài được cách mạng huy động cùng với Hà Tôn Hiến, võ sĩ Tộ chuyên trách huấn luyện anh em võ trang, tự vệ đỏ.

Đêm 22 tháng 11 năm 1940, nhận lệnh khởi nghĩa, Ngài hướng dẫn toán nghĩa quân người Hoa trong thành phố Mỹ Tho cùng nhân dân toàn tỉnh nổi dậy cướp chánh quyền. Nhưng do cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bị lộ, giặc Pháp đã đề phòng, việc cướp chánh quyền bị thất bại, chúng ra tay đàn áp, Ngài và anh em phải lẩn trốn và hoạt động bí mật.

Tháng 8 năm 1945, Ngài cùng nghĩa quân một lần nữa cướp chính quyền. Cách Mạng Tháng Tám thành công, Ngài được cử làm Hội trưởng Hội Hoa kiều Liên Hữu, là tiền thân của Hoa Kiều giải phóng Liên hiệp Hội tỉnh Mỹ Tho cho đến năm 1954.

Tháng 7 năm 1954, hòa bình lập lại, Ngài tiếp tục lãnh đạo người Hoa tham gia các cuộc mít-tinh biểu tình đòi thi hành hiệp định Genève. Ngài bị chính quyền nhà Ngô ba lần vây bắt, nhờ mưu trí và tài võ nghệ cao cường nên cả ba lần Ngài đều trốn thoát.

Năm 1954, Ngài lên Sài Gòn gắn với phong trào hòa bình hoạt động cùng ông Ký Đăng, khi cơ sở bị phát hiện, Ký Đăng bị bắt, Ngài trốn thoát được và bước qua bước ngoặt mới: Ngài xuất gia đầu Phật, bỏ lại sau lưng quá khứ hào hùng ấy mà đi vào lãnh vực tịch tịnh từ bi.

Năm 1960, Ngài xuất gia tại chùa Giác Nguyên ở Khánh Hội, được Hòa thượng Thiện Tường thọ nhận làm đệ tử, đặt pháp danh là Phước Quang, húy là Trừng Minh. Tại đây Ngài Phước Quang chăm lo tu học và chấp lao phục dịch thiền môn dưới sự điều dắt của Hòa thượng Bổn sư.

Năm 1961, chùa khai giới đàn, Ngài được thọ giới Sa Di. Do là người Hoa, nên Hòa thượng Bổn sư cho phép tu học hành đạo theo Hoa Tông mang tính đặc thù của người Hoa, vốn là để Ngài gần gũi kết duyên với Hoa Tông mà cảm hóa tín đồ người Hoa truyền thừa đạo mạch. Nhờ sự kiên trì tu học, Ngài ngày càng có uy tín trong giới Phật giáo người Hoa, cuối năm 1961, Ngài kiến lập Từ Đức Tịnh xá làm trú xứ và làm nơi qui tụ Phật tử người Hoa về đây lễ bái tu học.

Năm 1962, Ngài thọ Tỳ kheo giới tại Giới đàn chùa Tứ Diện tỉnh Trà Vinh. Từ đây, trên đường hành đạo, Ngài đã có điều kiện tập hợp tín đồ, quy tụ quần chúng thành lập các Hội quán, các tổ chức hợp pháp như:

- . Hội Từ Thiện - Quan Âm cứu trợ.
- . Đại Từ Liên Xã.
- . Nhóm chống bắt lính v.v...

Năm 1970, chư Tôn người Hoa tại Việt Nam trừ bị thành lập Giáo Hội Phật Giáo Hoa Tông Việt Nam. Ngài được mời làm thành viên Ban trụ bị. Đến năm 1972, tại Đại hội Đại biểu lần thứ nhất Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Ngài được bầu làm Tổng vụ Trưởng Tài chánh Ban chấp hành Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất, và cũng tại Đại hội này, Ngài được suy tôn làm Hòa thượng.

Năm 1973, Ngài xây dựng thêm ngôi chùa Từ Đức mới, với qui mô lớn hơn nhằm mở rộng cơ sở, qui tụ quần chúng làm Phật sự. Ngoài việc tu học phụng sự đạo pháp, Ngài còn lãnh đạo tín đồ người Hoa cùng với Phật giáo toàn quốc tham gia đấu tranh đòi hòa bình chống áp bức theo xu thế chung bấy giờ; và còn vận động tài chánh vật chất chuyển ra vùng cách mạng, giúp cho cán bộ hoạt động nội thành ăn ở hội họp rất bí mật và an toàn.

Năm 1975, với lực lượng và uy tín lớn sẵn có, Ngài huy động các tầng lớp người Hoa tham gia cuộc cách mạng lịch sử thống nhất nước nhà. Cách mạng thành công, Ngài được Phật giáo

Hòa Tông Việt Nam bầu làm Chủ tịch Ban chấp hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong kỳ Đại hội bất thường. Đến tháng 8-1975, Ngài lại được đề cử làm Ủy viên đoàn Chủ tịch kiêm Thủ quỹ Ban Liên Lạc Phật Giáo Yêu Nước Thành Phố.

Tháng 3 năm 1976, Ngài được cử làm Ủy viên Ban kiểm tra bầu cử Quốc hội thống nhất. Từ năm 1976 đến 1987, Ngài là Đại biểu Hội đồng Nhân dân Quận 5 các khóa 1, 2, 3; là Ủy viên Ủy ban Mặt trận Thành phố và quận 5 suốt 3 nhiệm kỳ. Và là Trưởng Ban Liên Lạc Phật giáo Yêu nước quận 5, sau là Chánh Đại diện Phật giáo quận 5.

Năm 1978, Ngài hướng dẫn 148 hộ tư sản chuyển sang sản xuất tại Tân Lập, Tiền Giang. Tại đây Ngài đã kiến tạo một cơ sở Từ Đức 3.

Tháng 11, năm 1981, tại Hội nghị thống nhất Phật giáo toàn quốc ở chùa Quán Sứ, Hà Nội, Ngài được suy cử làm thành viên Hội đồng Chứng Minh.

Năm 1982, tại Đại hội thành lập Thành Hội Phật Giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Ngài được cử làm Ủy viên Ban Trị Sự, đặc trách hệ Hòa Tông.

Ngoài ra, trong quá trình hành đạo của mình, Hòa thượng Thích Phước Quang đã xây dựng được các cơ sở đến nay vẫn còn phát huy tác dụng lợi ích cho xã hội là:

- . Trường Chính Nghĩa (Mỹ Tho).
- . Trường Chánh Giác (Thủ Dầu Một).
- . Tang nghi quán Quảng Đông (quận 5).

Tuổi già sức yếu, định luật vô thường rồi cũng đến với bất cứ một ai. Tuy đảm trách nhiều chức vụ Phật sự trong lúc ngã bệnh, Ngài vẫn chỉ đạo công tác cho đến khi không thể trở dậy được nữa. Ngài đã làm di chúc, sáng suốt ủy thác sự nghiệp lại cho Giáo Hội và Môn đồ, cầu thỉnh Chư Tôn đức về chùa Từ Đức để gặp mặt lần cuối cùng và làm lễ cúng dường rộng rãi.

Ngài nhẹ nhàng thị tịch vào lúc 11 giờ ngày 20 tháng 8 Mậu Thìn, tức ngày 30-9- 1988 tại chùa Từ Đức quận 5. Trụ thế 81 năm, hành đạo 30 năm.

Hòa thượng Thích Phước Quang có công lao to lớn trong hoạt động cách mạng xuyên suốt hai thời kỳ chống Pháp và Mỹ. Là một bậc tu hành tiêu biểu giàu lòng yêu nước, đóng góp tích cực cho sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc và công cuộc thống nhất Phật giáo Việt Nam.

Trích: **Tiểu sử Danh tăng Việt Nam thế kỷ XX - Tập 1** (Phật giáo giai đoạn thống nhất Phật giáo lần thứ 2)

Chủ biên: **TT.Thích Đồng Bổn**